

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày: 18 - 5 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần;

Bà Đinh Thị Hồng Thom.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn H, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1978 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Trần Thị G; có vợ là Nguyễn Thị V và 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1989 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 4, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đoàn Thị T; chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

3. Đỗ Văn Đ, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1988 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng;

trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lê Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”;

4. Đỗ Quốc T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1984 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Phạm Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

5. Vũ Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1977 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị T; có vợ là Vũ Thị M, và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

6. Vũ Đức H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1983 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị L; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

7. Phạm Văn H, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1973 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị G (đều đã chết); có vợ là Lê Thị P và 02 con, con lớn sinh năm 1997; con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

8. Vũ Văn T, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1983 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: x, xã X huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L và bà Lê Thị N; có vợ là Bùi Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Văn i, sinh năm 1973, nơi cư trú: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”;

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1966; nơi cư trú: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/12/2019, sau khi ăn cỗ đám cưới ở x, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cách nhà Vũ Văn H khoảng 50m xong, Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T cùng rủ nhau vào nhà Vũ Văn H để uống nước. Lúc này, nhà H không có ai ở nhà. Nhìn thấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân có mặt màu xanh đã qua sử dụng, có sẵn trên mặt bàn uống nước, cả nhóm rủ nhau cùng lên tầng 2 ngồi ở nền nhà sử dụng bộ bài tú lơ khơ này để chơi đánh liêng ăn tiền. Cách thức chơi như sau: Mỗi ván chỉ một người đóng gà 150.000đ vào giữa, ai bài to nhất (thắng) thì được ăn cả 150.000đ. Sau đó lần lượt theo thứ tự vòng tròn ngồi chơi, người chơi tiếp theo sẽ góp gà ván tiếp theo. Lúc đầu do một người chia cho mỗi người một quân bài, lật lên nếu ai cao điểm nhất thì được chia bài ván đầu tiên, sau đó ai nhất ván thì chia ván tiếp theo. Người chia bài cho mỗi người 3 quân bài/ván rồi tính điểm những người chơi để so sánh. Bài có “sáp” là 3 quân bài cùng số, liêng là 3 quân bài có số liên tiếp, ảnh là 3 quân bài hình người. Khi hạ bài, ai có “sáp” thắng ‘liêng’, “liêng” thắng “ảnh”. Nếu không có “sáp”, “liêng”, “ảnh” thì cộng điểm ba quân lại ai cao điểm thì thắng. Điểm các quân bài được tính như sau: Các quân từ 2 đến 10 lần lượt tính từ 2 đến 10 điểm, quân A tính là 1 điểm, quân hình người tính điểm 0. Trong quá trình chơi, có T, Đ, T, T tự thỏa thuận chơi riêng thêm với nhau thống nhất cách thức chơi bài như trên, những mỗi ván chỉ một người đóng gà 50.000đ, trong bốn người trên ai thắng (bài to) sẽ được số tiền 50.000đ. Cả nhóm chơi đến 14 giờ 30 cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Xuân Trường phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân có mặt màu xanh; trên chiếu bạc tổng số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) trong đó: Vũ Văn H: 1.300.000đ; Nguyễn Văn T: 950.000đ; Đỗ Văn Đ: 550.000đ; Đỗ Quốc T: 850.000đ; Vũ Văn T: 300.000đ; Vũ Đức H: 550.000đ; Phạm Văn H: 350.000đ; Vũ Văn T 650.000đ. Ngoài ra còn thu trên người các đối tượng số tiền 5.429.000đ. (gồm T 3.350.000đ; Đ: 310.000đ; T: 90.000đ; T: 130.000đ; H 1.500.000đ; H: 24.000đ; T 25.000đ).

Về số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc như sau:

- Vũ Văn H sử dụng số tiền 700.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thắng 600.000đ, khi bị bắt thu giữ 1.300.000đ;

- Nguyễn Văn T sử dụng số tiền 1.200.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thua 250.000đ, khi bị bắt thu giữ 950.000đ.

- Đỗ Văn Đ sử dụng số tiền 600.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thua 50.000đ, khi bị bắt thu giữ 550.000đ;

- Đỗ Quốc T sử dụng số tiền 800.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thắng 50.000đ, khi bị bắt thu giữ 850.000đ;

- Vũ Văn T sử dụng số tiền 500.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thua 200.000đ, khi bị bắt thu giữ 300.000đ;

- Vũ Đức H sử dụng số tiền 1.000.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thua 450.000đ, khi bị bắt thu giữ 550.000đ;

- Phạm Văn H sử dụng số tiền 500.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thua 150.000đ, khi bị bắt thu giữ 350.000đ;

- Vũ Văn T sử dụng số tiền 200.000đ để chơi đánh bạc, khi chơi thắng 450.000đ, khi bị bắt thu giữ 650.000đ;

Đối với số tiền: 5.429.000đ thu giữ trên người các đối tượng, qua nhiều lần đấu tranh các đối tượng đều trình bày số tiền này dùng để chi tiêu sinh hoạt cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường không có căn cứ kết luận.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng đều khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 17/CT - VKS ngày 10/3/2020 của VKSND huyện Xuân Trường truy tố các bị cáo: Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu đánh giá về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn H; Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T. Đối với bị cáo H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T phạm tội “Đánh bạc”;

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 21 - 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T mỗi bị cáo từ 18 - 21 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo đã bị tạm giữ được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo này.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.500.000đ đồng. Trả lại số tiền 5.429.000đ cho các bị cáo; cụ thể: T 3.350.000đ; Đ: 310.000đ; T: 90.000đ; T: 130.000đ; H 1.500.000đ; H: 24.000đ; T 25.000đ.

Các bị cáo khác không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc ăn tiền của bản thân là vi phạm pháp luật, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có khiếu nại gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 21/12/2019 tại xóm 4, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; Vũ Văn, Vũ Văn T đã có hành vi cùng nhau đánh bạc trái phép được thu bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*) thì bị phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cũng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, đều nhận thức được việc làm của mình, biết được đánh bạc là tệ nạn xã hội có tác động tiêu cực đến từng cá nhân, gia đình và xã hội, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của mỗi gia đình. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng răn đe đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc ăn

tiền, bằng hình thức chơi liêng, đáng lẽ khi các bị cáo rủ nhau đánh bạc tại nhà bị cáo H, bị cáo H phải can ngăn không cho đánh bạc mới đúng, nhưng bị cáo không can ngăn mà còn tham gia đánh bạc. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo Hùng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Hợp có bố được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo H, T, Đ, T, T, H, H, T được hưởng mức án cải tạo không giam giữ là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Các bị cáo H, T, Đ, T, T, H, H, T hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập. Các bị cáo H, T, Đ, T, T, H, H, T đã bị tạm giữ, cứ một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Số tiền 5.500.000 đồng cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 bộ bát tú lơ khơ là phương tiện phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu cho tiêu hủy; Số tiền 5.429.000đ thu của các bị cáo T, Đ, T T, H, H, T không liên quan đến việc đánh bạc nên HĐXX sẽ trả lại cho các bị cáo này nhưng tiếp tục được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án, theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Án phí: Các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ,

Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T. Đối với bị cáo Vũ Đức H căn cứ vào khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T phạm tội “Đánh bạc”;

1.1 Xử phạt: Vũ Văn H 21 (hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian 04 ngày đã bị tạm giữ, (từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019) bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 20 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

1.2 Xử phạt: Các bị cáo: Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T, mỗi bị cáo 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian 04 ngày các bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 21/12/2019 đến ngày 24/12/2019) bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ, các bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo: Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục người đó.

2. Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*) của các bị cáo;

Trả lại số tiền 5.429.000đ cho các bị cáo cụ thể: Bị cáo T 3.350.000đ; bị cáo Đ: 310.000đ; bị cáo T: 90.000đ; bị cáo T: 130.000đ; bị cáo H 1.500.000đ; bị cáo H: 24.000đ; bị cáo T 25.000đ. Số tiền của các bị cáo trên được tiếp tục giữ lại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 31/CCTHA và biên lai thu tiền số 06334 cùng ngày 27/4/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Quốc T, Vũ Văn T, Vũ Đức H, Phạm Văn H, Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

